

Bản án số: 267/2023/KDTM-PT
Ngày 22/12/2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
xây dựng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Bằng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên

Trong các ngày 28/8, 18/12 và 22/12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 145/2023/TLPT-KDTM ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 489/2023/QĐ-PT ngày 25/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 551/2023/QĐ-PT ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần X

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Đ, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị H – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Bùi Thị T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số E L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 01/04/2023); có mặt

- Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 12/12/2023); có mặt

- Bị đơn: Công ty TNHH H3

Địa chỉ: Tầng 3 số nhà G gác A, ngõ A phố T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Tạ Thị T1 – Tổng giám đốc. Địa chỉ: E ngõ A L, phường B, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần X (sau đây viết tắt là Công ty X) và Công ty TNHH H3 (sau đây viết tắt là Công ty H3) ký các hợp đồng về việc cho thuê cừ và thi công đóng cừ, nhổ cừ; Quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty H3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty X khởi kiện. Cụ thể:

- Hợp đồng kinh tế số 01/TH-TĐ/HĐKT/2020 ngày 26/11/2020 (gọi tắt là Hợp đồng kinh tế số 01) về việc cho thuê và thi công đóng nhổ cừ U200 tại công trình T - Bắc Ninh; Theo Hợp đồng các bên thống nhất: Công ty H3 thuê Công ty X về việc Công ty X cho thuê cừ và thi công đóng, nhổ cừ U200; Giá trị tạm tính của hợp đồng là 1.985.500.000 đồng; Điều 3 của hợp đồng các bên thống nhất về thời hạn thanh toán theo từng đợt, lần 1: sau khi hai bên ký hợp đồng, Công ty H3 chuyển tiền đặt cọc thuê cừ cho Công ty X (đã thực hiện số tiền 198.000.000 đồng); lần 2: Sau khi Công ty X đóng cừ xong theo từng đợt hai bên xác nhận khối lượng thực tế Công ty H3 thanh toán 100% số tiền nhân công đóng cừ của đợt đó và 50% tiền vận chuyển cừ, vận chuyển máy cho Công ty X; thời gian thanh toán chậm nhất không quá 2 ngày kể từ ngày bàn giao; lần 3: Sau khi Công ty X nhổ cừ theo từng đợt, hai bên xác nhận khối lượng thực tế thì Công ty H3 thanh toán 100% nhân công nhổ cừ, thời gian thanh toán không quá 2 ngày kể từ ngày bàn giao; Lần 4: Công ty H3 thanh toán trả Công ty X tiền thuê cừ theo từng tháng; thời gian thanh toán chậm nhất không quá 2 ngày kể từ ngày bàn giao; lần 5: Sau khi Công ty X nhổ xong cừ đợt cuối, hai bên xác nhận khối lượng, Công ty H3 thanh toán 100% số tiền thuê cừ, công nhổ cừ thực tế và 50% tiền vận chuyển cừ, vận chuyển máy còn lại trong giá trị hợp đồng, chậm nhất không quá 3 ngày kể từ ngày bàn giao. Giá trị cừ thuê sẽ được khấu trừ vào khoản thanh toán đặt cọc của Công ty H3. Công ty X có trách nhiệm thanh toán giá trị còn lại của tiền đặt cọc ban đầu (nếu còn dư) cho Công ty H3.

Phụ lục hợp đồng số 01/TH-TĐ/PLHD/2020 ngày 24 tháng 12 năm 2020 (phụ lục hợp đồng số 01), hai bên thống nhất thỏa thuận bổ sung thêm khối lượng cừ, nhân công đóng cừ, nhân công nhổ cừ...;

Sau khi ký hợp đồng, Công ty X đã thực hiện thỏa thuận trong hợp đồng. Giá trị thực tế tính đến ngày 06/01/2022 số tiền Công ty H3 còn nợ Công ty X là: 1.643.723.400 đồng. Công ty H3 đặt cọc số tiền 248.000.000 đồng và trả tiền đợt 1 là 50.000.000 đồng; Nguyên đơn đề nghị Tòa án đối trừ số tiền đặt cọc và tiền trả đợt 1 tổng cộng là 298.000.000 đồng vào số tiền nợ gốc của Công ty H3

- Hợp đồng kinh tế số 02/TH-TĐ/HĐKT/2021 ngày 15/6/2021 (gọi tắt là Hợp đồng kinh tế số 02): Nội dung công việc Công ty H3 đồng ý thuê vật tư cừ thép U200 dài 6m; Công ty X nhận thi công đóng cừ, nhổ cừ cho Công ty H3 tại công trình: Khu đô thị H - Bắc Ninh...; giá trị tạm tính là 30.910.000 đồng; Phương thức thanh toán: chuyển khoản, được chia làm 04 lần;

Giá trị thực tế tính đến ngày 06/01/2022 số tiền Công ty H3 còn nợ Công ty X là: 67.231.450 đồng.

- Hợp đồng kinh tế số 03/TH-TĐ/HĐKT/2021 ngày 21/06/2021 (gọi tắt là Hợp đồng kinh tế số 03) về việc cho thuê và thi công đóng nhổ cừ U200 tại công trình khu đô thị H, Bắc Ninh; Nội dung hợp đồng: Công ty H3 đồng ý thuê vật tư cừ thép U200 dài 6m của Công ty X, Công ty X nhận thi công đóng cừ, nhổ cừ cho Công ty H3...; Giá trị tạm tính của hợp đồng là 41.360.000 đồng; Phương thức thanh toán: chuyển khoản, được chia làm 04 lần;

Công ty X đã thực hiện thỏa thuận trong hợp đồng. Giá trị thực tế tính đến ngày 06/01/2022 số tiền Công ty H3 còn nợ Công ty X là: 62.360.474 đồng.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty X đã thực hiện công việc thỏa thuận tại các hợp đồng (cung cấp cừ, đóng và nhổ cừ theo nội dung công việc đã thỏa thuận).

Các bên có đối chiếu công nợ theo từng thời kỳ. Gần nhất là ngày 20/12/2021 hai bên lập biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ.

Công ty X yêu cầu Tòa án buộc Công ty H3 trả cho Công ty X số tiền nợ của hợp đồng số 01,02, 03 là 1.773.315.324 đồng và số tiền lãi của số nợ theo từng hợp đồng theo quy định pháp luật.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập Công ty H3 do bà Tạ Thị T1 đại diện nhưng bị đơn đều vắng mặt.

Ngày 28/12/2022 Công ty H3 do bà Tạ Thị T1 đại diện có đơn đề nghị hoãn phiên tòa và cam đoan cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án trong vòng 01 tháng.

Tòa án tiếp tục hoãn phiên tòa ngày 02/02/2022. Công ty H3 có đơn đề nghị ngày 02/3/2023 và nộp 04 bản Ủy nhiệm chi photo.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nguyên đơn:

- Tổng số tiền nợ gốc cả 3 hợp đồng tính đến ngày 06/01/2022 là 1.773.315.324 đồng, gồm: Hợp đồng kinh tế 01/TH-TĐ/PLHD/2020 ngày 24/12/2020, phụ lục hợp đồng số 01 là: 1.643.723.400 đồng. Hợp đồng kinh tế số 02 ngày 15/06/2021 là: 67.231.450 đồng. Hợp đồng kinh tế số 03 ngày 21/06/2021 (làm tròn) là: 62.360.470 đồng.

- Tổng số tiền nợ lãi của hợp đồng số 01, 02, 03 theo mức lãi suất quá hạn là 9%/năm, thời hạn từ ngày khởi kiện 01/12/2021 đến ngày xét xử, tính tròn là 14 tháng.

Nguyên đơn chỉ đề nghị số tiền trên là ít hơn so với số tiền bị đơn còn nợ thực tế, mục đích là để hỗ trợ một phần khó khăn cho bị đơn trong thời kỳ dịch bệnh không thi công được.

Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn tổng cộng 812.000.000 đồng cho 05 hợp đồng, trong đó 248.000.000 đồng là tiền đặt cọc và 50.000.000 đồng là tiền thanh toán đợt 1 của hợp đồng số 01; Số tiền còn lại 514.000.000 đồng là tiền đặt cọc của hợp đồng số 04, số 05. Bởi vì sau khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện thì hai bên mới ký tiếp 02 hợp đồng số 04, số E.

Đề nghị Tòa án đòi trừ số tiền Công ty H3 đặt cọc 248.000.000 đồng và số tiền thanh toán đợt 1 là 50.000.000 đồng vào số tiền nợ gốc mà Công ty H3 đã tạm ứng. Số tiền còn lại Công ty H3 phải trả là 1.475.315.324 đồng.

* Bị đơn do bà Tạ Thị T1 đại diện trình bày:

Bị đơn đã chuyển trả tổng số tiền 812.000.000 đồng cho nguyên đơn, số tiền này là để thanh toán cho hợp đồng số 01 vì hợp đồng số 05 vẫn chưa thực hiện.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ:

- Điều 139, 141, 144 Luật xây dựng;

- Điều 306 Luật Thương mại;

- Điều 385, 398, 401, 403 Điều 357, Điều 440, 472 Bộ luật Dân sự.

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền của Công ty cổ phần X đối với Công ty TNHH H3

2. Xác nhận tính đến ngày 02/3/2023 Công ty TNHH H3 nợ Công ty cổ phần X số tiền 1.630.223.428 đồng gồm nợ gốc 1.475.315.324 đồng (một tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm mười lăm nghìn, ba trăm hai mươi tư đồng) và số tiền lãi 154.908.108 đồng (một trăm năm mươi tư triệu, chín trăm lẻ tám nghìn, một trăm linh tám đồng) theo Hợp đồng kinh tế số 01, 02, 03, cụ thể:

Hợp đồng kinh tế số 01/TH-TĐ/HĐKT/2020 ngày 26/11/2020: nợ gốc 1.345.723.400 đồng, nợ lãi 141.300.957 đồng.

Hợp đồng kinh tế số 02/TH-TĐ/HĐKT/2020 ngày 15/6/2021: nợ gốc 67.231.450 đồng, nợ lãi 7.059.302 đồng.

Hợp đồng kinh tế số 03/TH-TĐ/HĐKT/2021 ngày 21/6/2021: nợ gốc 62.360.470 đồng, nợ lãi 6.547.849 đồng.

3. Buộc Công ty TNHH H3 trả Công ty cổ phần X tổng số tiền tính đến ngày 02/3/2023 là 1.630.223.428 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.475.315.320 đồng; Nợ lãi là 154.908.108 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần X không yêu cầu Công ty TNHH H3 phải thanh toán số tiền nợ lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán cho đến ngày 30/11/2021.

5. Án phí: Công ty cổ phần X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại; Hoàn trả Công ty cổ phần X số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0069636 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa. Công ty TNHH H3 phải chịu 60.906.700 đồng (sáu mươi triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (chưa nộp)

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty TNHH H3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp có thẩm quyền xem xét, xử lại vụ án trên theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa lại một phần bản án sơ thẩm như sau: Không áp dụng Điều 306 Luật Thương mại; Buộc Công ty H3 trả Công ty X tổng số tiền tính đến ngày 02/3/2023 là 1.062.253.342 đồng, trong đó: nợ gốc là 961.315.324 đồng, lãi chậm trả là 100.938.108 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần, nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty TNHH H3 được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty cổ phần X với Công ty TNHH H3 phát sinh từ hợp đồng xây dựng, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty TNHH H3 có địa chỉ tại tầng 3 số nhà G ngách A, ngõ A phố T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Công ty cổ phần X (sau đây viết tắt là Công ty X) và Công ty TNHH H3 (sau đây viết tắt là Công ty H3) có ký kết với nhau các hợp đồng 01, 02, 03, 04 và 05 về việc cho thuê cừ và thi công đóng cừ, nhổ cừ. Quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty H3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Công ty X khởi kiện Công ty H3 về nghĩa vụ trả nợ đối với các hợp đồng 01, 02 và 03.

Cụ thể như sau:

Hợp đồng kinh tế số 01 ngày 26/11/2020: Công ty H3 còn nợ Công ty X là 1.643.723.400 đồng.

Hợp đồng kinh tế số 02 ngày 15/06/2021: Công ty H3 còn nợ Công ty X là 67.231.450 đồng.

Hợp đồng kinh tế số 03 ngày 21/06/2021: Công ty H3 còn nợ Công ty X là 62.360.474 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H3 trình bày đã chuyển cho Công ty X tổng số 812.000.000 đồng thanh toán cho hợp đồng số 01, trong đó 248.000.000 đồng là tiền đặt cọc, 50.000.000 đồng là tiền thanh toán đợt 1 và sau đó thanh toán tiếp 514.000.000 đồng.

Công ty X cho rằng số tiền 514.000.000 đồng là tiền đặt cọc của hợp đồng số 04 và hợp đồng số 05 bởi vì sau khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện hai bên mới ký tiếp hợp đồng số 04 và hợp đồng số 05.

Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn xác nhận hợp đồng số 04 đã thực hiện xong, không có tranh chấp gì; còn hợp đồng số 05 theo nguyên đơn trình bày giá trị hợp đồng là 139.000.000 đồng đã thực hiện nhưng bị đơn chưa thanh toán, bị đơn cho rằng hợp đồng số 05 nguyên đơn chưa thực hiện. Tòa án đã giải thích và tạm ngừng phiên tòa để nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng nguyên đơn không chứng minh được, vì vậy, không có căn cứ để xác định hợp đồng số 05 đã thực hiện.

Án sơ thẩm không đòi trừ số tiền 514.000.000 đồng mà bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn là thiếu sót, không đảm bảo quyền lợi cho bị đơn, nên sửa lại phần này của án sơ thẩm.

Xác định tổng số tiền gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là:

- Hợp đồng 01 là: 831.723.400 đồng

- Hợp đồng 02 là: 67.231.450 đồng

- Hợp đồng 03 là: 62.360.474 đồng

Tổng là 961.315.324 đồng

Về nợ lãi: Do Công ty H3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên phải chịu nợ lãi trên số tiền nợ gốc. Án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 9%/năm, thời gian 14 tháng theo như sự tự nguyện của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Công ty H3 phải trả cho Công ty X số tiền nợ lãi đối với từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng 01 là: 87.330.957 đồng

- Hợp đồng 02 là: 7.059.302 đồng

- Hợp đồng 03 là: 6.547.849 đồng

Tổng là 100.938.108 đồng

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty H3, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Về án phí: Công ty TNHH H3 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 139; Điều 141; Điều 144 của Luật Xây dựng

Áp dụng Điều 385; Điều 398; Điều 401; Điều 403; Điều 357; Điều 440; Điều 472 của Bộ luật Dân sự

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH H3

- Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 02/03/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền của Công ty cổ phần X đối với Công ty TNHH H3

2. Buộc Công ty TNHH H3 trả Công ty cổ phần X tổng số tiền 1.062.253.432 đồng, bao gồm nợ gốc 961.315.324 đồng và nợ lãi 100.938.108 đồng. Cụ thể:

Hợp đồng kinh tế số 01/TH-TĐ/HĐKT/2020 ngày 26/11/2020: nợ gốc 831.723.400 đồng, nợ lãi 87.330.957 đồng.

Hợp đồng kinh tế số 02/TH-TĐ/HĐKT/2020 ngày 15/6/2021: nợ gốc 67.231.450 đồng, nợ lãi 7.059.302 đồng.

Hợp đồng kinh tế số 03/TH-TĐ/HĐKT/2021 ngày 21/6/2021: nợ gốc 62.360.474 đồng, nợ lãi 6.547.849 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần X không yêu cầu Công ty TNHH H3 phải thanh toán số tiền nợ lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán cho đến ngày 30/11/2021.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Hoàn trả Công ty cổ phần X 27.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0069636 ngày 12/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Công ty TNHH H3 phải chịu 43.867.602 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

6. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả Công ty TNHH H3 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0071625 ngày 23/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận Đống Đa, tp Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn